TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/HS-ST
Ngày: 18-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Huyên

2. Bà Hà Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trương Văn Q (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1990 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1963 và bà Lù Thị N, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2010, bị UBND huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 12 tháng (Quyết định số 2244/QĐ-UBND); Ngày 10/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án số 03/2014/HSST), đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 07/3/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

** Bị hại:* Anh Vũ Duy D, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Chu Tiến P, sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

- Chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1995 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 24/9/2021, Trương Văn Q, sinh năm 1990, trú tại Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn một mình đi bộ theo Quốc lộ 3 qua khu vực Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì thấy có 01 (một) nhà dân có trang trí rạp đám cưới ở sân, cửa nhà mở (nhà của anh Vũ Duy D, sinh năm 1996) nhưng không thấy có ai ở trong nhà, Q quan sát xung quanh cũng không thấy có người nên Q đi vào trong nhà anh D, vào đến phòng khách, Q nhìn thấy có 01 (một) chiếc loa kéo nhãn hiệu HATACHI, màu vàng - đen, có 02 (hai) bánh, có tay xách đang dựng ở gần tường bên phải phòng khách hướng từ ngoài cửa nhìn vào, chiếc loa đang được cắm sạc vào ổ cắm điện trên tường (chủ sở hữu chiếc loa kéo là chị Hoàng Thị Như Q, sinh năm 1995, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, anh D mượn chị Q chiếc loa để phục vụ đám cưới). Q sử dụng tay phải rút phích cắm của chiếc loa ra khỏi ổ điện và dùng hai tay giữ, xách chiếc loa từ trong nhà anh D ra đường Quốc lộ 3, sau đó tiếp tục kéo chiếc loa đi bộ theo đường Quốc lộ 3 hướng Hà Nội - Cao Bằng. Đến thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì Q gặp anh Chu Tiến P, sinh năm 1981, trú tại Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang đi xe mô tô trên đường, P nhìn thấy Q đang cầm chiếc loa kéo thì hỏi mua và được Q đồng ý bán chiếc loa cho với giá 100.000 đồng, P đưa tiền cho Q rồi mang loa về nhà P tại Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khi Cơ quan Công an đến làm việc P đã khai báo sự việc và tự nguyện giao nộp chiếc loa trên cho Cơ quan Công an để phục vụ điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu HATACHI màu vàng - đen, loại loa kéo có 04 bánh di chuyển (chỉ còn lại 02 bánh), đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là **3.900.000 đồng**.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSNS, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trương Văn Q về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Trương Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 07/3/2022.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Văn Q khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo ăn năn hối cải, hứa sẽ làm lại từ đầu sau khi chấp hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại về thời gian, vị trí và đặc điểm tài sản bị mất, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 05 giờ sáng ngày 24/9/2021 tại nhà anh Vũ Duy D, sinh năm 1996 thuộc Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Trương Văn Q, sinh năm 1990, trú tại Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi một mình lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu HATACHI màu vàng - đen, loại loa kéo có 04 bánh di chuyển (chỉ còn lại 02 bánh), đã qua sử dụng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 68 ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: 01 (một) chiếc loa nhãn hiệu HATACHI màu vàng - đen, loại loa kéo có 04 bánh di chuyển (chỉ còn lại 02 bánh), đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là **3.900.000 đồng**.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi

phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Điều luật có nội dung:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hình phạt đối với bị cáo

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 30/11/2010, bị UBND huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 12 tháng (Quyết định số 2244/QĐ-UBND); Ngày 10/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 24 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án số 03/2014/HSST), đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào tính chất vụ án, nhận thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có việc làm, không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Tiến P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 100.000 đồng mà anh Pảo mua tài sản với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 (một) chiếc loa kéo nhãn hiệu HATACHI là tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi lại được, quá trình điều tra, xét thấy

không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vũ Duy D. Việc trả lại các tài sản trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về những vấn đề khác liên quan: Đối với Chu Tiến P là người đã mua chiếc loa kéo với Trương Văn Q, quá trình điều tra, xác định P không biết chiếc loa là do Q trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 07/3/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- CA huyện;
- Nhà tạm giữ Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ